

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư
khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Nông**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức
Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp
luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một
số điều của Luật Đất đai, Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản và Luật Các
tổ chức tín dụng ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2014 của Chính
phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về an toàn điện; Nghị định số
51/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ
sung một số điều của Nghị định số 14/2014/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chính
phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính
phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số
192/TTr-STNMT ngày 14 tháng 10 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định chi tiết một số nội dung
về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk
Nông.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 24 tháng 10 năm 2024 và thay
thế các Quyết định sau:

1. Quyết định số 03/2021/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông về việc ban hành Quy định cụ thể một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Nông;

2. Quyết định số 12/2021/QĐ-UBND ngày 20 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông về việc sửa đổi, bổ sung Điều 10 của Quy định cụ thể một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Nông ban hành kèm theo Quyết định số 03/2021/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông;

3. Quyết định số 46/2022/QĐ-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định cụ thể một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Nông ban hành kèm theo Quyết định số 03/2021/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, Ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Gia Nghĩa; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và người sử dụng đất chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Trọng Yên

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Tài nguyên và Môi trường,
Tư pháp, Nội vụ, Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL- Bộ Tư pháp;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Đài PTTH tỉnh, Báo Đắk Nông;
- Trung tâm lưu trữ - Sở Nội vụ;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, TH, KT, BTCD, NC,
KGVX, NNTNMT(LVT).

QUY ĐỊNH

**Về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước
thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Nông**

(Kèm theo Quyết định số 25/2024/QĐ-UBND ngày 14 tháng 10 năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định chi tiết khoản 2 Điều 104, khoản 4 và 5 Điều 109, khoản 4, khoản 7 và khoản 10 Điều 111 Luật Đất đai năm 2024; khoản 3 Điều 4; khoản 7 Điều 12, khoản 9 Điều 13, điểm a và điểm d khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 16, điểm b khoản 2 Điều 17, điểm c khoản 1 Điều 18, khoản 2 Điều 19, khoản 6 Điều 20, Điều 21, khoản 3 Điều 22, khoản 2 Điều 23, Điều 24 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 18 Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26/02/2014 của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 51/2020/NĐ-CP ngày 21/4/2020 của Chính phủ).

2. Những nội dung liên quan đến bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất không quy định tại Quy định này được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan nhà nước thực hiện quyền hạn và trách nhiệm đại diện chủ sở hữu toàn dân về đất đai, thực hiện nhiệm vụ thống nhất quản lý nhà nước về đất đai và công chức làm công tác địa chính ở cấp xã; đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

2. Người có đất thu hồi và chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất thu hồi.

3. Các đối tượng khác có liên quan đến việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

Chương II
QUY ĐỊNH VỀ BỒI THƯỜNG KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT

Điều 3. Bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng khác với loại đất thu hồi hoặc bằng nhà ở khi Nhà nước thu hồi đất (thực hiện khoản 3 Điều 4 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP)

1. Điều kiện bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng khác với loại đất thu hồi

a) Hộ gia đình, cá nhân có đất nông nghiệp (gồm đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hàng năm và đất nuôi trồng thủy sản), đất thương mại, dịch vụ bị thu hồi có đủ điều kiện bồi thường về đất và có nhu cầu được bồi thường bằng đất ở;

b) Các huyện, thành phố nơi có đất thu hồi có điều kiện về quỹ đất ở đủ để bố trí cho các đối tượng đủ điều kiện trong cùng một dự án.

2. Tỷ lệ quy đổi

a) Được bồi thường bằng đất ở với diện tích quy đổi bằng 30% tổng diện tích thương mại, dịch vụ bị thu hồi nhưng không vượt quá 300m² đối với địa bàn phường, thị trấn và 400m² đối với địa bàn xã nơi có đất thu hồi.

b) Được bồi thường bằng đất ở với diện tích quy đổi bằng 10% tổng diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi nhưng không vượt quá 300m² đối với địa bàn phường, thị trấn và 400m² đối với địa bàn xã nơi có đất thu hồi.

c) Trường hợp quy đổi sang đất ở theo quy định tại điểm a và b khoản này mà diện tích đất ở nhỏ hơn diện tích suất tái định cư tối thiểu quy định tại điểm a khoản 1 Điều 19 Quy định này thì không xem xét bồi thường bằng đất ở.

d) Trường hợp quy đổi sang đất ở theo quy định tại điểm a và b khoản này mà diện tích đất ở bằng hoặc lớn hơn diện tích suất tái định cư tối thiểu quy định tại điểm a khoản 1 Điều 19 Quy định này nhưng không đủ một lô đất ở tại nơi tái định cư thì được bồi thường đủ một lô tại khu tái định cư đó.

3. Trường hợp địa phương cấp huyện có quỹ nhà ở tái định cư thì Ủy ban nhân dân cấp huyện báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 4. Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại khi Nhà nước thu hồi đất không có hồ sơ, chứng từ chứng minh đã đầu tư vào đất (thực hiện điểm b Khoản 2 Điều 17 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP)

1. Người sử dụng đất bị thu hồi tự kê khai các khoản chi phí đầu tư vào đất còn lại.

2. Đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất thu hồi kiểm tra thực địa khu đất, đối chiếu với bản tự kê khai của người có đất thu hồi và căn cứ định mức kinh tế - kỹ thuật các khoản chi phí đầu tư vào đất theo quy định của pháp luật tại thời điểm thu hồi đất để xác định, đề xuất mức hỗ trợ chi phí đầu tư vào đất còn lại trình cơ quan thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư xem xét, trình Ủy ban nhân dân cùng cấp quyết định.

Điều 5. Bồi thường thiệt hại đối với trường hợp không làm thay đổi mục đích sử dụng đất nhưng làm hạn chế khả năng sử dụng đất đối với đất thuộc hành lang bảo vệ an toàn công trình, khu vực bảo vệ, vành đai an toàn khi xây dựng công trình, khu vực có hành lang bảo vệ an toàn (thực hiện điểm c khoản 1 Điều 18 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ)

1. Đối với các loại đất ở, đất thương mại, dịch vụ, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp được bồi thường bằng 70% mức bồi thường khi thu hồi loại đất đó.

2. Đối với các loại đất còn lại được bồi thường bằng 40% mức bồi thường khi thu hồi loại đất đó.

Điều 6. Bồi thường thiệt hại về nhà, công trình xây dựng gắn liền với đất khi nhà nước thu hồi đất (thực hiện điểm a và d khoản 1 Điều 14 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP)

1. Khoản tiền tính bằng tỷ lệ phần trăm theo giá trị hiện có của nhà, công trình xây dựng đối với nhà, công trình xây dựng khác quy định tại điểm b khoản 2 Điều 102 của Luật Đất đai là 30% giá trị hiện có của nhà, công trình xây dựng đó.

2. Đối với nhà, công trình xây dựng không đủ tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định của pháp luật chuyên ngành thì giá trị bồi thường được xác định theo hồ sơ xây dựng công trình (hồ sơ thiết kế, dự toán, hoàn công, quyết toán công trình); trường hợp không có hồ sơ xây dựng công trình thì đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư có trách nhiệm lập dự toán hoặc thuê đơn vị có tư cách pháp nhân lập dự toán gửi cơ quan quản lý xây dựng cấp huyện thẩm định, trình cơ quan thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư xem xét, trình Ủy ban nhân dân cùng cấp phê duyệt.

Điều 7. Bồi thường, hỗ trợ do phải di dời mồ mả khi Nhà nước thu hồi đất (thực hiện khoản 2 Điều 15 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP)

1. Đối với mồ mả trong phạm vi đất thu hồi phải di dời đến vị trí mới trong nghĩa trang theo quy hoạch của địa phương thì được bồi thường chi phí xây dựng mới theo đơn giá bồi thường thiệt hại về nhà, nhà ở, công trình xây dựng do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định. Trường hợp mồ mả có kiến trúc phức tạp thì đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư căn cứ vào tình hình thực tế lập dự toán cụ thể mức bồi thường trình cơ quan thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư xem xét, trình Ủy ban nhân dân cùng cấp phê duyệt.

2. Bồi thường chi phí đào, bốc, di chuyển và chi phí tâm linh: 8.000.000 đồng (tám triệu đồng)/mộ.

3. Trường hợp tự thu xếp việc di chuyển mồ mả ngoài khu vực được bố trí thì ngoài việc bồi thường theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này còn được hỗ trợ tiền về đất nơi cải táng 10.000.000 đồng (mười triệu đồng)/mộ.

4. Trường hợp thực hiện hình thức hỏa táng, lưu giữ tro cốt tại các cơ sở lưu giữ tro cốt thì ngoài việc bồi thường theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này còn được hỗ trợ 10.000.000 đồng (mười triệu đồng)/mộ.

Điều 8. Bồi thường chi phí tự cải tạo, sửa chữa nhà ở cho người đang sử dụng nhà ở thuộc sở hữu nhà nước (thực hiện Điều 16 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP)

Người đang sử dụng nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước (nhà thuê hoặc nhà do tổ chức tự quản) nằm trong phạm vi thu hồi đất phải phá dỡ, thì người đang thuê

nhà không được bồi thường đối với diện tích nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước và diện tích coi như trái phép nhưng được bồi thường chi phí tự cải tạo, sửa chữa, nâng cấp đối với từng hạng mục được cải tạo, sửa chữa, nâng cấp theo đơn giá xây dựng mới do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định. Đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư chịu trách nhiệm kiểm kê, xác định giá trị bồi thường thiệt hại, đề xuất cơ quan thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư xem xét, trình Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt.

Điều 9. Bồi thường chi phí di chuyển tài sản khi Nhà nước thu hồi đất
(thực hiện Điều 104 Luật Đất đai)

1. Khi Nhà nước thu hồi đất mà hộ gia đình, cá nhân phải di chuyển chỗ ở thì được bồi thường chi phí để tháo dỡ, di chuyển, lắp đặt tài sản như sau:

a) Nếu di chuyển trong phạm vi cùng một huyện, thành phố: 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng)/hộ;

b) Nếu di chuyển đến các huyện, thành phố khác trong tỉnh: 10.000.000 đồng (mười triệu đồng)/hộ;

c) Nếu di chuyển sang tỉnh khác 13.000.000 đồng (mười ba triệu đồng)/hộ.

2. Trường hợp trong hộ gia đình có nhiều cặp vợ chồng cùng chung sống thì mức hỗ trợ không quá 02 lần mức quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Trường hợp phải di chuyển hệ thống máy móc, dây chuyền sản xuất thì đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư chịu trách nhiệm xác định hoặc thuê đơn vị tư vấn có tư cách pháp nhân lập dự toán chi phí tháo dỡ, di chuyển, lắp đặt và thiệt hại khi tháo dỡ, vận chuyển, lắp đặt để trình cơ quan thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư xem xét, trình Ủy ban nhân dân cùng cấp phê duyệt.

Điều 10. Bồi thường, hỗ trợ đối với nhà ở, công trình trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không (thực hiện Điều 18 Nghị định số 14/2014/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 51/2020/NĐ-CP)

Nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân không phải di dời khỏi hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không có điện áp đến 220kV thì được bồi thường, hỗ trợ do làm hạn chế khả năng sử dụng và ảnh hưởng trong sinh hoạt. Việc bồi thường, hỗ trợ được thực hiện một (01) lần như sau:

1. Nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt có một phần hoặc toàn bộ diện tích nằm trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện cao áp trên không, được xây dựng trước ngày có thông báo thu hồi đất của cơ quan có thẩm quyền trên đất đủ điều kiện bồi thường về đất ở theo quy định thì chủ sở hữu nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt được bồi thường, hỗ trợ bằng 70% giá trị phần nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt tính trên diện tích nằm trong hành lang an toàn lưới điện theo đơn giá xây dựng mới của nhà ở, công trình do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

2. Nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt được xây dựng trước ngày có thông báo thu hồi đất của cơ quan có thẩm quyền trên đất không thuộc khoản 1 Điều này có đủ điều kiện bồi thường về đất theo quy định thì được hỗ trợ bằng 40% giá trị phần nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt tính trên diện tích nằm trong hành lang an toàn lưới điện.

3. Nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt được xây dựng trước ngày có thông báo thu hồi đất của cơ quan có thẩm quyền trên đất không đủ điều kiện bồi thường về đất thì được hỗ trợ bằng 25% giá trị phần nhà ở, công trình tính trên diện tích nằm trong hành lang an toàn lưới điện.

Chương III **QUY ĐỊNH VỀ HỖ TRỢ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT**

Điều 11. Hỗ trợ ổn định đời sống khi Nhà nước thu hồi đất *(thực hiện khoản 2 Điều 19 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP)*

1. Hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi dưới 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng, đủ điều kiện bồi thường về đất; hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất không đủ điều kiện bồi thường về đất hoặc do nhận giao khoán đất để sử dụng vào mục đích nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản từ các nông, lâm trường quốc doanh hoặc công ty nông, lâm nghiệp được chuyển đổi từ các nông, lâm trường quốc doanh, tập đoàn sản xuất nông nghiệp, hợp tác xã nông nghiệp và có hợp đồng giao khoán sử dụng đất thì được hỗ trợ trong thời gian 6 tháng nếu không phải di chuyển chỗ ở và trong thời gian 12 tháng nếu phải di chuyển chỗ ở.

2. Mức hỗ trợ cho một nhân khẩu quy định tại khoản 1 Điều này này được tính bằng tiền tương đương 30 kg gạo trong 01 tháng theo thời giá trung bình tại thời điểm hỗ trợ của địa phương; chi trả 01 (một) lần khi thực hiện chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ.

Điều 12. Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh khi Nhà nước thu hồi đất *(thực hiện khoản 6 Điều 20 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP)*

1. Hộ gia đình, cá nhân được bồi thường bằng đất nông nghiệp thì được hỗ trợ ổn định sản xuất, bao gồm: hỗ trợ giống cây trồng, giống vật nuôi cho sản xuất nông nghiệp, các dịch vụ khuyến nông, khuyến lâm, dịch vụ bảo vệ thực vật, thú y, kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi và kỹ thuật nghiệp vụ đối với sản xuất, kinh doanh dịch vụ công thương nghiệp. Mức hỗ trợ tính theo diện tích đất nông nghiệp được bồi thường 2.000 đồng/m².

2. Đối với tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân sản xuất, kinh doanh, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thuộc đối tượng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 20 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP thì được hỗ trợ ổn định sản xuất bằng tiền với mức bằng 30% một năm thu nhập sau thuế, theo mức thu nhập bình quân của 03 năm liền kề trước đó được cơ quan thuế xác nhận.

3. Người lao động do tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân sản xuất, kinh doanh, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài quy định tại khoản 4 Điều 20

Nghị định số 88/2024/NĐ-CP thì được hỗ trợ chế độ trợ cấp ngừng việc theo quy định của pháp luật về lao động trong thời gian tối đa là 06 tháng. Đối với lao động còn thời hạn hợp đồng dưới 06 tháng thì mức hỗ trợ tính theo số tháng thực tế còn lại trong hợp đồng lao động.

4. Việc chi trả tiền hỗ trợ được thực hiện một lần tại thời điểm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ.

Điều 13. Hỗ trợ di dời vật nuôi (thực hiện khoản 1 Điều 21 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP)

1. Hỗ trợ di dời vật nuôi trên cạn

Tổ chức, cá nhân có hoạt động chăn nuôi, khi nhà nước thu hồi đất mà phải di dời vật nuôi đến chỗ ở mới thì được hỗ trợ chi phí di dời vật nuôi. Mức hỗ trợ như sau:

a) Nếu di chuyển vật nuôi trong phạm vi cùng một huyện, thành phố thì được hỗ trợ cụ thể như sau:

Cơ sở chăn nuôi nông hộ không quá: 2.000.000 đồng/cơ sở. Căn cứ số lượng vật nuôi, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư xác định mức hỗ trợ nhưng không quá mức hỗ trợ theo quy định này trình cấp có thẩm quyền quyết định.

Cơ sở chăn nuôi trang trại quy mô nhỏ: 3.000.000 đồng/cơ sở.

Cơ sở chăn nuôi trang trại quy mô vừa: 4.000.000 đồng/cơ sở.

Cơ sở chăn nuôi trang trại quy mô lớn: 5.000.000 đồng/cơ sở.

b) Nếu di chuyển vật nuôi đến các huyện, thành phố khác trong tỉnh thì hỗ trợ cụ thể như sau:

Cơ sở chăn nuôi nông hộ không quá: 4.000.000 đồng/cơ sở. Căn cứ số lượng vật nuôi, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư xác định mức hỗ trợ nhưng không quá mức hỗ trợ theo quy định này trình cấp có thẩm quyền quyết định.

Cơ sở chăn nuôi trang trại quy mô nhỏ: 7.000.000 đồng/cơ sở.

Cơ sở chăn nuôi trang trại quy mô vừa: 10.000.000 đồng/cơ sở.

Cơ sở chăn nuôi trang trại quy mô lớn: 15.000.000 đồng/cơ sở.

c) Nếu di chuyển vật nuôi sang tỉnh khác thì hỗ trợ cụ thể như sau:

Cơ sở chăn nuôi nông hộ không quá: 5.000.000 đồng/cơ sở. Căn cứ số lượng vật nuôi, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư xác định mức hỗ trợ nhưng không quá mức hỗ trợ theo quy định này trình cấp có thẩm quyền quyết định.

Cơ sở chăn nuôi trang trại quy mô nhỏ: 10.000.000 đồng/cơ sở.

Cơ sở chăn nuôi trang trại quy mô vừa: 20.000.000 đồng/cơ sở.

Cơ sở chăn nuôi trang trại quy mô lớn: 30.000.000 đồng/cơ sở.

2. Hỗ trợ di dời vật nuôi là thủy sản

Vật nuôi là thủy sản chưa đến thời kỳ thu hoạch nhưng có thể di chuyển để nuôi tiếp thì được hỗ trợ di dời: Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường từng công trình, dự án căn cứ tình hình thực tế (đối tượng, địa điểm, cự ly di chuyển, giá cước vận chuyển, chi phí bốc xếp...) để xác định mức hỗ trợ di chuyển và bồi thường thiệt hại do phải di chuyển gây ra (nếu có), xây dựng kinh phí hỗ trợ trình Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định.

Điều 14. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất (thực hiện khoản 3 Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP)

1. Hộ gia đình, cá nhân thuộc đối tượng quy định tại điểm a và b Khoản 1 Điều 109 Luật Đất đai năm 2024 thì được hỗ trợ bằng 01 (một) lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp thu hồi nhưng không vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp tại địa phương theo quy định tại Điều 176 Luật Đất đai.

2. Hộ gia đình, cá nhân thuộc đối tượng quy định tại điểm c và d khoản 1 Điều 109 Luật Đất đai năm 2024 thì được hỗ trợ bằng 0,5 (không phải năm) lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp thu hồi; diện tích được hỗ trợ không vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp tại địa phương theo quy định tại Điều 176 Luật Đất đai.

3. Hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất ở kết hợp kinh doanh dịch vụ có nguồn thu nhập ổn định từ hoạt động kinh doanh dịch vụ, khi Nhà nước thu hồi đất mà phải di chuyển chỗ ở thì được hỗ trợ đào tạo nghề theo quy định tại Quyết định số 12/2024/QĐ-TTg ngày 31/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ quyết định về cơ chế chính sách giải quyết việc làm và đào tạo nghề cho người có đất thu hồi.

Điều 15. Hỗ trợ đối với từng trường hợp và dự án cụ thể

Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định hỗ trợ đối với từng trường hợp, dự án cụ thể, gồm:

1. Hỗ trợ khác đối với phần diện tích thu hồi còn lại của thửa đất nông nghiệp không được bồi thường theo quy định tại khoản 7 Điều 12 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ, nhưng mức hỗ trợ không quá 80% giá đất nông nghiệp theo bảng giá do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

2. Hỗ trợ khác đối với phần diện tích thu hồi còn lại của thửa đất phi nông nghiệp không phải là đất ở không được bồi thường theo quy định tại khoản 9 Điều 13 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ, nhưng mức hỗ trợ không quá 10% giá đất của loại đất thu hồi theo bảng giá do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

3. Hỗ trợ ổn định sản xuất cho các đối tượng quy định khoản 5 Điều 20 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP, nhưng mức hỗ trợ không quá 20.000.000 đồng/hộ gia đình, cá nhân.

4. Hỗ trợ để tháo dỡ, phá dỡ, di dời đối với tài sản gắn liền với đất là phần công trình xây dựng theo giấy phép xây dựng có thời hạn theo pháp luật về xây dựng mà đến thời điểm thu hồi đất giấy phép đã hết thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 21 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP, nhưng mức hỗ trợ không quá 60% mức bồi thường công trình theo quy định.

5. Ngoài các khoản hỗ trợ đã được quy định tại Quy định này, căn cứ vào tình hình thực tế của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp huyện kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định biện pháp, mức hỗ trợ khác để bảo đảm có chỗ ở, ổn định đời sống, sản xuất đối với người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản cho từng dự án cụ thể.

Điều 16. Cơ chế thưởng đối với người có đất thu hồi bàn giao mặt bằng trước thời hạn (thực hiện khoản 7 Điều 111 Luật Đất đai)

Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân chấp hành bàn giao trước thời hạn được thưởng như sau:

1. Đối với trường hợp thu hồi đất có nhà ở, cơ sở sản xuất, kinh doanh bị tháo dỡ toàn bộ được thưởng: 5.000.000 đồng; trường hợp bị tháo dỡ một phần được thưởng: 3.000.000 đồng.

2. Các trường hợp còn lại được thưởng: 2.000.000 đồng.

Chương IV

HỖ TRỢ, BỐ TRÍ TÁI ĐỊNH CƯ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT

Điều 17. Hỗ trợ tiền thuê nhà ở (thực hiện khoản 7 Điều 111 Luật Đất đai)

1. Người có đất ở bị thu hồi trong thời gian chờ bố trí tái định cư được hỗ trợ tiền thuê nhà ở. Thời gian hỗ trợ tính từ khi bàn giao mặt bằng cho đến 06 tháng sau kể từ ngày được giao đất ở, nhà ở tái định cư.

2. Trường hợp bị thu hồi, giải tỏa một phần đất ở, nhà ở, phần còn lại vẫn tiếp tục sử dụng nhưng phải sửa chữa thì được hỗ trợ tiền thuê nhà ở trong thời gian 06 tháng kể từ khi bàn giao mặt bằng.

3. Mức hỗ trợ tiền thuê nhà

a) Hộ gia đình có từ bốn (04) nhân khẩu trở xuống: 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm ngàn) đồng/tháng;

b) Hộ gia đình có từ năm (05) nhân khẩu trở lên 3.500.000 đồng (ba triệu năm trăm ngàn) đồng/tháng.

4. Việc chi trả tiền hỗ trợ thuê nhà được thực hiện 06 tháng một lần.

Điều 18. Hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất (thực hiện khoản 2 Điều 23 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP)

Hộ gia đình, cá nhân, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài đủ điều kiện được hỗ trợ tái định cư theo quy định tại khoản 8 Điều 111 của Luật Đất

đai mà có nhu cầu tự lo chỗ ở thì ngoài việc được bồi thường về đất bằng tiền còn được nhận tiền hỗ trợ để tự lo chỗ ở như sau:

1. Đối với đất thu hồi thuộc địa giới hành chính phường, xã thuộc thành phố Gia Nghĩa; thị trấn thuộc các huyện; xã Đăk Búk So, huyện Tuy Đức và xã Quảng Khê, huyện Đăk Glong: 75.000.000 (bảy mươi lăm triệu) đồng/hộ;

2. Đối với đất thu hồi thuộc khu vực còn lại: 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng/hộ.

Điều 19. Bố trí tái định cư (thực hiện khoản 10 Điều 111 Luật đất đai, khoản 1 và 2 Điều 24 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP)

1. Suất tái định cư tối thiểu

Suất tái định cư tối thiểu theo quy định tại khoản 10 Điều 111 Luật Đất đai, được quy định như sau:

a) Diện tích suất tái định cư tối thiểu bằng đất ở:

- Đối với khu vực nông thôn: 130m²;

- Đối với khu vực đô thị: 100m².

b) Diện tích suất tái định cư tối thiểu bằng nhà ở: 60m².

2. Trường hợp trong hộ gia đình có nhiều thế hệ hoặc có nhiều cặp vợ chồng cùng chung sống trên một thửa đất ở bị thu hồi nếu đủ điều kiện để tách thành từng hộ gia đình riêng theo quy định của pháp luật về cư trú hoặc có nhiều hộ gia đình có chung quyền sử dụng 01 thửa đất ở bị thu hồi mà diện tích đất ở được bồi thường không đủ để giao riêng cho từng hộ gia đình mà các hộ gia đình còn thiếu không có đất ở, nhà ở tại địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất thu hồi thì được giao mỗi hộ 01 lô đất tái định cư và phải nộp tiền sử dụng đất.

3. Người đang sử dụng nhà ở thuộc sở hữu nhà nước nằm trong phạm vi thu hồi đất phải phá dỡ nhà mà không còn chỗ ở nào khác trong địa bàn cấp huyện nơi có đất thu hồi nếu có nhu cầu và địa phương cấp huyện nơi có đất thu hồi có quỹ đất ở, quỹ nhà ở tái định cư, nhà ở thương mại, nhà ở xã hội thì được xem xét giao đất ở có thu tiền sử dụng đất, bán nhà ở. Trường hợp tự lo chỗ ở mới thì được hỗ trợ bằng tiền theo quy định tại Điều 18 Quy định này.

Chương V **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 20. Xử lý chuyển tiếp

1. Đối với trường hợp đã có quyết định thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai trước ngày 01 tháng 8 năm 2024 nhưng chưa có quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo Quy định này.

2. Đối với trường hợp đã có quyết định thu hồi đất và quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của pháp luật về đất đai

trước ngày 01 tháng 8 năm 2024 nhưng chưa thực hiện thì tiếp tục thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã phê duyệt; việc xử lý chi trả bồi thường chậm được thực hiện theo quy định của pháp luật tại thời điểm Nhà nước ban hành quyết định thu hồi đất.

Điều 21. Trách nhiệm của các Sở, ngành; Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã; tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; Chủ đầu tư dự án và người có đất thu hồi và chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất thu hồi

1. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Kiểm tra, hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện và đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thực hiện Quy định này;

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý các vướng mắc về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư;

c) Tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Tài nguyên và Môi trường về tình hình và kết quả thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trên địa bàn tỉnh.

2. Sở Tài chính

a) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các đơn vị có liên quan tham mưu giải quyết các vướng mắc trong việc thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Sở Tài chính;

b) Chủ trì cùng các ngành liên quan hướng dẫn các đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư lập dự toán, thanh quyết toán chi phí bảo đảm cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo các quy định hiện hành.

3. Sở Xây dựng

a) Hướng dẫn giải quyết các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện bồi thường, hỗ trợ đối với nhà, công trình xây dựng gắn liền với đất và các chính sách có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của ngành;

b) Hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện lập quy hoạch, xây dựng các khu tái định cư theo quy định hiện hành.

5. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn giải quyết các vướng mắc về chính sách bồi thường, hỗ trợ đối với cây trồng, vật nuôi và các nội dung có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ của ngành.

5. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính tham mưu nguồn vốn ngân sách đáp ứng kịp thời nhu cầu vốn cho công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của pháp luật.

6. Sở Công thương

Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng và các đơn vị có liên quan hướng dẫn xác định hệ thống máy móc, dây chuyền sản xuất, phức tạp, có quy mô lớn, các công trình đường điện, trạm biến áp, phục vụ cho việc bồi thường chi phí di chuyển, tháo dỡ, lắp đặt và những vấn đề khác có liên quan đến việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

7. Cục Thuế tỉnh

a) Xác nhận hoặc chỉ đạo Chi cục Thuế trực thuộc xác nhận mức thu nhập sau thuế của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài phải ngừng sản xuất kinh doanh do bị thu hồi đất để làm cơ sở tính mức hỗ trợ ổn định sản xuất;

b) Phối hợp các cơ quan liên quan, tổ chức được giao nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ và tái định cư xác định và thu, nộp các khoản nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật.

8. Các Sở, ngành khác

Có trách nhiệm phối hợp, tham gia thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với những nội dung liên quan thuộc chức năng quản lý nhà nước của cơ quan, đơn vị mình.

9. Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Chỉ đạo và tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật;

b) Quyết định thu hồi đất và phê duyệt phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo đúng thẩm quyền;

c) Phối hợp với các Sở, ngành, đơn vị có liên quan thực hiện các dự án tái định cư tại địa phương;

e) Tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường tình hình và kết quả thực hiện thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tại địa phương trước ngày 20 tháng 11 hàng năm.

10. Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất thu hồi

a) Chủ trì, phối hợp với các đoàn thể tuyên truyền, vận động người bị thu hồi nhà đất chấp hành chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và quyết định thu hồi đất của Nhà nước;

b) Phối hợp với đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thực hiện đúng các trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của pháp luật;

c) Niêm yết công khai tại Trụ sở Ủy ban nhân dân xã và điểm dân cư các văn bản pháp lý liên quan, quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền; quyết định giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến bồi thường, hỗ trợ, tái định cư;



d) Kiểm tra, xác nhận nguồn gốc, thời điểm tình trạng sử dụng đất, thời điểm tạo lập tài sản trên đất; xác nhận hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp;

e) Phối hợp với công an cùng cấp để xác định dữ liệu về cư trú và điều kiện tách hộ của hộ gia đình, cá nhân tại nơi thu hồi đất.

11. Đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư

a) Tiếp nhận hồ sơ về dự án, quy hoạch, mốc giới, phạm vi giải phóng mặt bằng của các chủ đầu tư dự án;

b) Phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng kế hoạch thu hồi đất;

c) Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất bị thu hồi thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo đúng quy định.

12. Chủ đầu tư dự án (Tổ chức, cá nhân được giao đất, cho thuê đất)

a) Bàn giao các hồ sơ liên quan đến dự án cho đơn vị, tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư;

b) Phối hợp với đơn vị, tổ chức được giao nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất bị thu hồi lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; tổ chức việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo đúng quy định hiện hành;

c) Đảm bảo kịp thời, đầy đủ kinh phí để chi trả bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

13. Tổ chức, hộ gia đình và cá nhân bị thu hồi đất

a) Tạo điều kiện thuận lợi và phối hợp với các cơ quan nhà nước, Tổ chức được giao nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trong công tác điều tra, đo đạc, kiểm đếm tài sản, xác minh số liệu; cung cấp giấy tờ có liên quan đến thửa đất và tài sản gắn liền với đất làm cơ sở lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư;

b) Bàn giao đất cho Tổ chức được giao nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đúng thời gian quy định;

c) Thực hiện đầy đủ, kịp thời nghĩa vụ tài chính theo quy định hiện hành;

d) Nộp (bản gốc) các giấy tờ về quyền sử dụng đất, giấy tờ về quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhận tiền bồi thường, hỗ trợ để thực hiện chính lý hoặc thu hồi theo quy định.

Điều 22. Tổ chức thực hiện

Trong quá trình tổ chức thực hiện Quy định này, nếu có vướng mắc, phát sinh, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, các sở, ngành có liên quan và các chủ đầu tư kịp thời báo cáo, đề xuất gửi Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.